

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Trần Huy Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 16/04/2011)
Ông Trần Kim Long	Thành viên (bãi nhiệm từ ngày 15/04/2011)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi	Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Châu	Phó Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được nêu trong Thuyết minh số 23.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**  
**Giám đốc**  
*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012*

Số: /2012/UHYHCM - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn*  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kính gửi:**        **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 15 tháng 03 năm 2012, trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Phan Thanh Điền**  
**Phó Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1496/KTV  
**Thay mặt và đại diện cho**

---

**Tô Thị Thanh Nga**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2011 VND</b>	<b>Tại 01/01/2011 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.036.075.930</b>	<b>24.781.986.816</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>25.422.583.840</b>	<b>10.521.835.994</b>
Tiền	111		4.922.583.840	1.021.835.994
Các khoản tương đương tiền	112		20.500.000.000	9.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>3.037.500.000</b>	<b>10.506.504.810</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		3.136.595.000	10.567.514.810
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(99.095.000)	(61.010.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.845.529.187</b>	<b>3.453.639.450</b>
Phải thu khách hàng	131		1.976.422.152	1.865.397.581
Trả trước cho người bán	132		2.334.495.925	1.294.827.872
Các khoản phải thu khác	135	6	1.239.999.597	998.802.484
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705.388.487)	(705.388.487)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>648.960.932</b>	<b>230.006.562</b>
Hàng tồn kho	141	7	648.960.932	230.006.562
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>81.501.971</b>	<b>70.000.000</b>
Tài sản ngắn hạn khác	158		81.501.971	70.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.608.432.241</b>	<b>14.330.009.104</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.981.720.781</b>	<b>9.634.319.049</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.527.659.382	9.634.319.049
- Nguyên giá	222		33.276.893.308	33.312.070.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.749.233.926)	(23.677.751.772)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	945.192.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(945.192.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		454.061.399	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8</b>	<b>3.189.615.200</b>	<b>4.154.900.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		4.154.900.000	4.154.900.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(965.284.800)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>437.096.260</b>	<b>540.790.055</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		137.096.260	240.790.055
Tài sản dài hạn khác	268	9	300.000.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.644.508.171</b>	<b>39.111.995.920</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2011 VND</b>	<b>Tại 01/01/2011 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.016.051.309</b>	<b>2.641.374.259</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.641.147.309</b>	<b>2.227.477.240</b>
Phải trả người bán	312		274.129.228	190.163.356
Người mua trả tiền trước	313		19.086.592	112.780.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.400.140.575	974.149.921
Phải trả người lao động	315		514.924.661	60.387.026
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	416.838.081	424.094.132
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.028.172	465.902.672
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>374.904.000</b>	<b>413.897.019</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	108.797.019
Phải trả dài hạn khác	333	13	374.904.000	305.100.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.628.456.862</b>	<b>36.470.621.661</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>41.628.456.862</b>	<b>36.470.621.661</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.662.969.959	17.662.969.959
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.766.296.996	1.766.296.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.793.947.880	13.636.112.679
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.644.508.171</b>	<b>39.111.995.920</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
Ngoại tệ các loại				
- USD			20.746,77	8.294,03
- EUR			100,00	-
- JPY			10.000,00	-

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**  
**Giám đốc**  
TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

**Võ Thanh Bình**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	<b>26.747.294.481</b>	<b>26.364.185.502</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	16	110.011.399	405.944.795
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>26.637.283.082</b>	<b>25.958.240.707</b>
Giá vốn hàng bán	11	18	13.491.226.381	14.348.464.104
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.146.056.701</b>	<b>11.609.776.603</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.058.746.299	2.367.192.038
Chi phí tài chính	22	20	1.095.958.761	28.828.235
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.670.681.656	3.061.313.795
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.438.162.583</b>	<b>10.886.826.611</b>
Thu nhập khác	31		259.640.392	262.108.969
Chi phí khác	32		452.112	231.454.248
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>259.188.280</b>	<b>30.654.721</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.697.350.863</b>	<b>10.917.481.332</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.195.823.151	2.597.095.608
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.501.527.712</b>	<b>8.320.385.724</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	5.399	4.210

Nguyễn Hoàng Anh Phi  
Giám đốc  
TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Võ Thanh Bình  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>12.697.350.863</b>	<b>10.917.481.332</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		2.171.333.485	2.280.585.173
Các khoản dự phòng	3		1.003.369.800	56.458.552
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		57.433.599	(26.129.054)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(3.038.248.150)	(383.625.752)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>12.891.239.597</b>	<b>12.844.770.251</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(2.009.117.866)	(327.242.949)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(418.954.370)	(93.431.683)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		1.343.041.586	(562.661.043)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		103.693.795	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.756.667.324)	(3.436.144.480)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	502.673.937
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.936.190.437)	(1.222.708.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.217.044.981</b>	<b>7.705.255.686</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(469.242.398)	(929.895.409)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		204.006.902	185.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(7.500.000.000)	(1.010.320.546)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		17.930.919.810	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.038.248.150	430.080.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.203.932.464</b>	<b>(1.325.135.955)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.532.600.000)	(3.524.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.532.600.000)</b>	<b>(3.524.400.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>14.888.377.445</b>	<b>2.855.719.731</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>10.521.835.994</b>	<b>7.639.987.209</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.370.401	26.129.054
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>25.422.583.840</b>	<b>10.521.835.994</b>

Nguyễn Hoàng Anh Phi  
Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Võ Thanh Bình  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2010, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12 tháng 07 năm 2001, Công ty đã chính thức niêm yết 1.766.300 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư được phản ánh trên báo cáo tài chính của công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.9 NGOẠI TỆ**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Chính sách kế toán này có sự khác biệt so với Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201 và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2011, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 của quốc hội ngày 06/08/2011.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	41.200.620	18.444.980
Tiền gửi ngân hàng	4.877.637.900	1.002.839.749
Tiền đang chuyển	3.745.320	551.265
Các khoản tương đương tiền (*)	20.500.000.000	9.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.422.583.840</b>	<b>10.521.835.994</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>136.595.000</b>		<b>136.595.000</b>
- Công ty CP XNK Khánh Hội	3.240	65.446.000	3.240	65.446.000
- Công ty CP Gạch men Thanh	1.450	42.690.000	1.450	42.690.000
- Công ty CP Bao bì dầu thực vật	1.052	28.459.000	1.000	28.459.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>3.000.000.000</b>		<b>10.430.919.810</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-		7.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		-		2.930.919.810
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)		3.000.000.000		-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(99.095.000)</b>		<b>(61.010.000)</b>
<b>Cộng</b>		<b>3.037.500.000</b>		<b>10.506.504.810</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Hợp đồng 94/2011/HDKT-CNQ4 ngày 05/05/2011, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 14%/năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Phải thu ông Lê Thành Chơn tiền tài sản tổ giặt (*)	657.484.745	657.484.745
Phải thu ông Lê Chí Khâm tiền phạt thuế (*)	47.903.742	47.903.742
Phải thu về quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi	-	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	454.611.110	282.671.737
Phải thu về thuế giá trị gia tăng	-	10.742.260
Phải thu khác	80.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.239.999.597</b>	<b>998.802.484</b>

(\*) Là khoản phải thu khó đòi, đã được trích lập dự phòng 100% số dư gốc.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	202.522.714	164.380.189
Công cụ, dụng cụ	382.906.860	2.034.215
Hàng hoá	63.531.358	63.592.158
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>648.960.932</b>	<b>230.006.562</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>4.154.900.000</b>		<b>4.154.900.000</b>
- Đầu tư cổ phiếu		4.154.900.000		4.154.900.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	326.672	2.794.900.000	326.672	2.794.900.000
+ Trường Đại học Hoa Sen (*)	195.400	1.360.000.000	100.000	1.360.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>		<b>(965.284.800)</b>		-
<b>Cộng</b>		<b>3.189.615.200</b>		<b>4.154.900.000</b>

(\*) Trường Đại học Hoa Sen phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 95/100 theo Nghị quyết số 876-09/NQ-ĐHCD của Đại Hội đồng cổ đông ngày 6/12/2009.

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Ký quỹ cung cấp dịch vụ lữ hành	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	27.406.335.462	2.982.729.764	2.088.089.288	834.916.307	33.312.070.821
- Mua trong năm	-	-	15.181.818	49.492.000	64.673.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.243.094)	(67.608.237)	-	(99.851.331)
Tại ngày 31/12/2011	<u>27.406.335.462</u>	<u>2.950.486.670</u>	<u>2.035.662.869</u>	<u>884.408.307</u>	<u>33.276.893.308</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	19.615.154.821	2.285.099.799	1.117.344.131	660.153.021	23.677.751.772
- Khấu hao trong năm	1.739.063.979	207.708.865	141.504.925	83.055.716	2.171.333.485
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.243.094)	(67.608.237)	-	(99.851.331)
Tại ngày 31/12/2011	<u>21.354.218.800</u>	<u>2.460.565.570</u>	<u>1.191.240.819</u>	<u>743.208.737</u>	<u>25.749.233.926</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	<u>7.791.180.641</u>	<u>697.629.965</u>	<u>970.745.157</u>	<u>174.763.286</u>	<u>9.634.319.049</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>6.052.116.662</u>	<u>489.921.100</u>	<u>844.422.050</u>	<u>141.199.570</u>	<u>7.527.659.382</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 6.857.815.804 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	223.112.357	155.448.598
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	12.089.794	11.513.294
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.111.199.874	759.056.642
Thuế thu nhập cá nhân	53.738.550	48.131.387
<b>Cộng</b>	<b>2.400.140.575</b>	<b>974.149.921</b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm y tế	-	83.499.624
Bảo hiểm xã hội	-	-
Kinh phí công đoàn	59.087.094	1.519.688
Thuế VAT	125.355.987	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	282.680.400
Bảo hiểm thất nghiệp	-	69.470
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.395.000	56.324.950
<b>Cộng</b>	<b>416.838.081</b>	<b>424.094.132</b>

**13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - Zen bar	374.904.000	305.100.000
<b>Cộng</b>	<b>374.904.000</b>	<b>305.100.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>10.561.531.324</b>	<b>33.396.040.306</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.320.385.724	8.320.385.724
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2009	-	-	-	-	(488.200.000)	(488.200.000)
- Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	(3.524.400.000)	(3.524.400.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(883.630.958)	(883.630.958)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(265.573.411)	(265.573.411)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>13.636.112.679</b>	<b>36.470.621.661</b>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>13.636.112.679</b>	<b>36.470.621.661</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	10.501.527.712	10.501.527.712
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2010	-	-	-	-	(743.675.500)	(743.675.500)
- Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	(3.532.600.000)	(3.532.600.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(965.417.011)	(965.417.011)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>18.793.947.880</b>	<b>41.628.456.862</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**14.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 18.000.000.000 đồng (mười tám tỷ đồng), chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn nắm giữ 720.000 cổ phần tương ứng với 7.200.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.080.000 cổ phần tương ứng với 10.800.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.

Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 31/12/2011 như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2011 VND	Vốn góp thiếu 31/12/2011 VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %		
Vốn Nhà nước	7.200.000.000	40%	6.862.969.959	337.030.041
Cổ đông khác	10.800.000.000	60%	10.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>337.030.041</b>

**14.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2011 Cổ phiếu	Tại 01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.747.294.481</b>	<b>26.364.185.502</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	16.700.303.896	16.163.480.047
+ Doanh thu ăn uống	5.269.904.463	5.067.884.152
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.601.565.141	3.935.488.516
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.175.520.981	1.197.332.787

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>110.011.399</b>	<b>405.944.795</b>
Trong đó:		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	110.011.399	405.944.795

**17. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.637.283.082</b>	<b>25.958.240.707</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	16.700.303.896	16.163.480.047
+ Doanh thu ăn uống	5.269.904.463	5.067.884.152
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.491.553.742	3.529.543.721
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.175.520.981	1.197.332.787

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn phòng ngủ	5.600.605.763	5.539.640.867
Giá vốn ăn uống	3.645.711.634	3.531.868.778
Giá vốn dịch vụ khác	4.244.908.984	5.276.954.459
<b>Cộng</b>	<b>13.491.226.381</b>	<b>14.348.464.104</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.869.541.372	1.759.772.532
Cổ tức, lợi nhuận được chia	149.790.000	576.630.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.044.526	4.660.452
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.370.401	26.129.054
<b>Cộng</b>	<b>3.058.746.299</b>	<b>2.367.192.038</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.562.887	96.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	69.804.000	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn	-	(8.548.800)
Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn	1.003.369.800	32.516.800
Chi phí tài chính khác	16.222.074	4.763.510
<b>Cộng</b>	<b>1.095.958.761</b>	<b>28.828.235</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.697.350.863</b>	<b>10.917.481.332</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(149.790.000)	(529.098.902)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	56.458.552
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(149.790.000)	(585.557.454)
Tổng thu nhập chịu thuế	12.547.560.863	10.388.382.430
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	3.136.890.216	2.597.095.608
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 08/2011/QH13	941.067.065	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.195.823.151</b>	<b>2.597.095.608</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>10.501.527.712</b>	<b>8.320.385.724</b>
Số điều chỉnh giảm	(965.417.011)	-
<i>Phí phục vụ phải trả CNV</i>	(965.417.011)	(883.630.958)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>9.536.110.701</b>	<b>7.436.754.766</b>
<b>Số cổ phiếu bình quân</b>	<b>1.766.300</b>	<b>1.766.300</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.399</b>	<b>4.210</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**23. THÔNG TIN KHÁC**

**23.1 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 104/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 06 năm 2010 của Công ty cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã thông qua chủ trương đầu tư nâng cấp, sửa chữa tổng thể Khách sạn Sài Gòn. Theo đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/QĐ-HĐQT 2012 ngày 19/01/2012, dự kiến ngừng kinh doanh trong vòng 06 tháng cuối năm 2012 để nâng cấp, cải tạo Khách sạn Sài Gòn.

**23.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.

---

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**  
**Giám đốc**  
*TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012*

---

**Võ Thanh Bình**  
**Kế toán trưởng**